TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-PT
Ngày: 06/01/2025
Về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt
Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn
Ông Nguyễn Thế H

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 504/2024/TLPT-DS ngày 08/11/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4786/2024/QĐXXPT-DS ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Lâm Ngọc Bửu H, sinh năm 1958
Địa chỉ: khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Viên Anh T, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 05/12/2024)

- **Bị đơn**:
1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 (có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo**: Ông Nguyễn Văn L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Ngọc Bửu H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Viên Anh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị N có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi, tổng cộng 5 dây hụi và bà N bể nợ, không có khả năng thanh toán tiền cho bà H số tiền 1.770.000.000 đồng, bà N có viết vào sổ nợ cho bà H. Đến khi bà N bán nhà và đã trả cho bà H số tiền 314.800.000 đồng (trả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh) nên còn nợ lại bà H 1.455.200.000 đồng, nhưng nay bà H chỉ yêu cầu bà N, ông Nguyễn Văn L liên đới trả cho bà H số tiền hụi là 1.440.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Khi bắt đầu chơi hụi bà H có gặp trực tiếp ông L hỏi ông có cho bà N chơi hụi hay không thì ông L trả lời có, nên ông L có biết việc chơi hụi này, nhưng ông L không có trực tiếp đến đóng hụi và hốt hụi cho bà H.

Bà N bắt đầu chơi hụi của bà H vào ngày 25/4/2011 al đến năm 2016 thì bà N nợ hụi.

Vào ngày 25/6/2017 al bà H có đến nhà bà N tại huyện C để giao cho bà N dây hụi khui ngày 25/5/2017, hụi 10.000.000 đồng (trong đơn khởi kiện ghi là dây hụi thứ 5, trong đơn ghi khui ngày 20/5/2017 al là ghi nhầm). Dây hụi này bà N kêu hốt lần thứ 2, bà N hốt được 290.000.000 đồng và bà H đã giao cho ông L nhận, lúc đó có mặt con gái ông L, bà N.

Ông L và bà N có thỏa thuận với bà H cho trả 2.000.000 đồng/tháng và ông L, bà N trả được 7 lần là 14.000.000 đồng, ngày tổng cộng số tiền trả là ngày 01/7/2017 al, bà H không nhớ ngày thỏa thuận trả.

Trong quyển sổ hụi mà phía bà H cung cấp cho tòa là chữ viết và chữ ký của bà N, lúc đó bà H có kêu ông L ký tên nhưng ông L không ký tên.

Năm 2020, 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh ông L, bà N thỏa thuận bán nhà và trả cho bà H được 314.800.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi, tổng cộng 5 dây hụi và bà bể nợ, không có khả năng thanh toán tiền cho bà H số tiền 1.770.000.000 đồng, bà có viết vào sổ nợ cho bà H. Đến khi bà bán nhà và đã trả cho bà H số tiền 314.800.000 đồng (trả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C) nên còn nợ lại bà H 1.455.200.000 đồng, nhưng nay bà H chỉ yêu cầu bà trả cho bà H số tiền hụi là 1.440.000.000 đồng, bà đồng ý, khi chơi hụi cH bà là ông L không biết, không có trực tiếp chơi hụi.

Mục đích bà chơi hụi là để đóng hụi và trả các khoản nợ vay riêng nên không có sử dụng vào mục đích phục vụ kinh tế gia đình.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông không biết gì về việc bà N là vợ ông chơi hụi của bà H, ông biết bà H vào khoảng năm 2014, 2015 do ông mua vé số của bà H, vì bà H là đại lý vé số.

Bà H cho rằng có nói với ông về việc bà N chơi hụi, ông không đồng ý, vì nếu biết bà N chơi hụi ông đã không đồng ý cho chơi. Bà H cho rằng có giao tiền hụi cho ông vào năm 2017 là không đúng, ông không có nhận tiền gì từ bà H, ông có nghe con gái nói lại là bà H giao tiền cho vợ của ông, số tiền bao nhiêu ông không biết. Bà H cho rằng ông có thỏa thuận trả mỗi tháng 2.000.000 đồng và ông L, bà N trả 14.000.000 đồng thì ông không biết bà N có trả hay không, chứ ông không có trả.

Năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh ông có ký tên vào biên bản thỏa thuận bán nhà do bà N đứng tên để trả nợ cho các chủ nợ của bà N tại C, trong đó có bà H. Ông đồng ý ký tên vì nhà là của bà N. Số tiền mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giao cho bà H ông không rõ bao nhiêu, bà N là người biết rõ. Bà N thống nhất đã giao cho bà H bao nhiêu thì ông thống nhất bấy nhiêu, bà N thống nhất số tiền đã trả cho bà H tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là 314.800.000 đồng thì ông cũng thống nhất.

Nay bà H yêu cầu bà N và ông liên đới trả cho bà H số tiền hụi là 1.440.000.000 đồng, ông không đồng ý, vì khi chơi hụi ông không biết, không có trực tiếp chơi hụi, cũng không có nghĩa vụ liên đới trả số nợ này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Ngọc Bửu H.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Ngọc Bửu H số tiền hụi 1.440.000.000 (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu) đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo. Theo đơn kháng cáo, ông L không đồng ý liên đới cùng bà N trả nợ cho bà H vì khi bà N chơi hụi với bà H ông không biết, không có ký tên. Bà N hốt hụi của bà H không nhằm phục vụ mục đích kinh tế gia đình. Ông chỉ thống nhất khi nào ông làm ăn có tiền thì sẽ phụ bà N trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lâm Ngọc Bửu H là ông Viên Anh T không đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của ông L; yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn L kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lâm Ngọc Bửu H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn L liên đới trả cho bà H 1.440.000.000 đồng tiền hụi, không tính lãi. Phía bà N thừa nhận có chơi hụi và hiện nay còn nợ bà H 1.440.000.000 đồng như bà H khởi kiện và đồng ý trả nợ cho bà H. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà N trả 1.440.000.000 đồng tiền hụi cho bà H là phù hợp.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L về việc không đồng ý liên đới cùng bà N trả nợ cho bà H nhận thấy:

Ông L cho rằng khi bà N chơi hụi của bà H thì ông L không biết, không có ký tên; bà N hốt hụi của bà H không nhằm mục đích phục vụ kinh tế gia đình. Tuy nhiên, tại phiên toà, bà N thừa nhận bà chơi hụi để mua bán trái cây nhằm phục vụ cuộc sống gia đình. Tại thời điểm bà N chơi hụi thì bà N và ông L đang là vợ cH hợp pháp, sống chung tại Trà Vinh. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của bà H buộc ông L có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả nợ cho bà H là phù hợp.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bị đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Ngọc Bửu H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Ngọc Bửu H số tiền hụi 1.440.000.000 (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu) đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 55.200.000 (Năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000

(ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004532 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt